

Thư viện tỉnh  
Điện Biên

ĐC/S  
398.2

# TỤC NGŨ & CÂU ĐỐ MÔNG



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC



398.208 959 72

T. 506 N

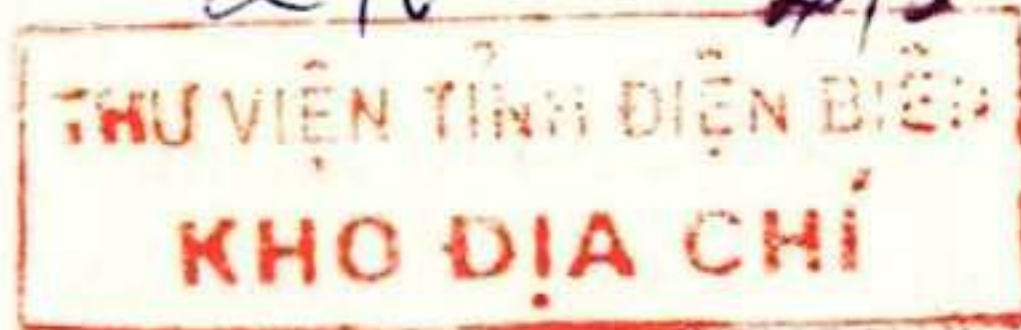
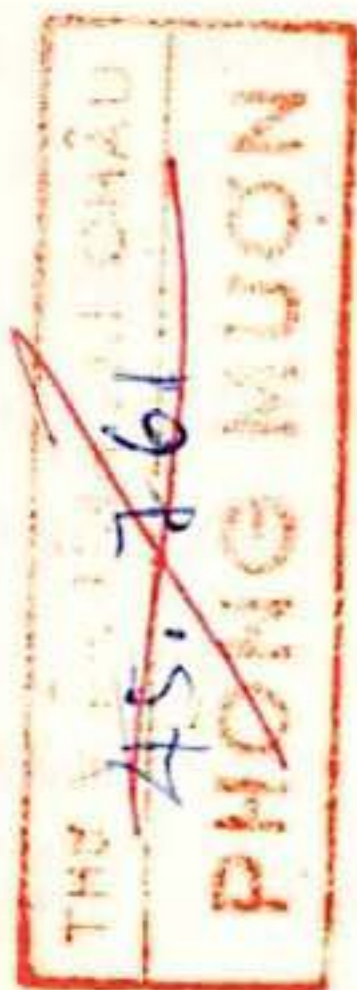
# TỤC NGỮ và CÂU ĐỐ MÔNG

LÊ TRUNG VŨ

*Sưu tầm, biên soạn*

PHAN THANH

*Hiệu đính*



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC  
HÀ NỘI - 1994



## ĐỌC TỤC NGŨ và CÂU ĐỐ MÔNG

**C**ó nước, tất cả cùng đổ  
Có tiền, tất cả cùng tiêu

Với tình người phóng khoáng và lối sống cộng đồng sâu sắc, người Mông thường nói như vậy với người thân hoặc người quen khi đã tin nhau, dù đó là người đồng tộc hay người ngoại tộc. Vì vậy, với xã hội Mông chúng ta rất dễ hòa đồng. Những câu chuyện kể không bao giờ cạn, những dân ca hát không bao giờ ngừng thường diễn ra thoải mái lúc lên nương ta cùng đi làm với đồng bào; hoặc những buổi đêm bên bếp lửa nhấm nháp ít rượu bắp, có thể ngồi đến tàn canh được. Tục ngữ thường được dùng xen kẽ vào lúc trò chuyện này để ý tứ thêm sâu sắc, nội dung thêm rõ ràng.

Và không khác bất cứ dân tộc nào, trước hết, tục ngữ là hiện tượng ngôn ngữ đặc sắc, số chữ vừa đủ, câu văn ngắn gọn mà phản ánh được ý muốn diễn đạt, có nghệ thuật, mà nghe đến, thính giả phải thừa nhận như một chân lý :



Nói ít, nhớ lâu

Nói nhiều, quên mau

*Tục ngữ Mông nói về các quan hệ giữa con người với nhau, trong gia đình và ngoài xã hội ; nhân đó, ít nhiều liên hệ giữa con người với thiên nhiên.*

*Trong gia đình, người ta lưu ý tới trước tiên là tình cảm vợ chồng :*

- Tình yêu tốt một thời

Vợ chồng tốt một đời

- Giống (ngô) không hợp (đất), hại một mùa.

Vợ chồng không hợp (nhau), hại một đời.

*Cho nên phải kén chọn :*

Lấy vợ, lấy chồng chọn nơi

Mua trâu, mua bò chọn khoáy

*Cha mẹ không chỉ là bệ đỡ, không chỉ là cái nôi, mà là "tất cả" đối với con. Có cha mẹ, còn tất cả. Mất cha mẹ thì cấu trúc gia đình đổ vỡ, cảnh nhà tan hoang :*

Cha mẹ chết, rượu đổ

Cha mẹ chết, nhà rách, vườn hoang

*Còn anh em, dù giận nhau, thậm chí có đánh nhau, vẫn không bỏ nhau, vì chung một dòng máu (ma tổ : tổ tiên chung) :*

Vợ chồng cãi nhau không bỏ giường



Anh em cãi nhau không bỏ ma

*Xã hội Mông đã phân hoá giàu nghèo, đã có áp bức. Quan và dân luôn luôn là hai phạm trù đối cực. Mặc dầu vậy, cuộc sống vẫn éo le, bi hài và rất thực như vậy :*

– Muời đời quan, một đời dân

– Chửi quan (vẫn) cần quan

Chửi thợ rèn (vẫn) cần thợ rèn

Chửi thầy cúng (vẫn) cần thầy cúng

*Nhưng trong lớp người bị áp bức, đau khổ nhất vẫn là phụ nữ. "Tiếng hát làm dâu" trong dân ca Mông đã chứng minh quá đầy đủ. Trong truyện cổ, nhân vật " người con riêng của chồng" (nhân vật kiểu Tấm Cám của người Việt) lại càng minh chứng sâu sắc hơn. Tục ngữ cũng lên tiếng cho người phụ nữ, nhưng bắt đầu ngay từ chỗ bắt đầu :*

Đẻ con gái như gáo nước đổ đi rồi

Không lấy lại được nữa !

*và hòa vào "Tiếng hát làm dâu" thành dòng nước mắt chung :*

Con dâu chết đi, con dâu (lại) nằm trong buồng

Con trai chết đi, (con trai) không bao giờ về nữa  
là bởi vì, dâu này chết lại "mua" ngay được dâu khác. Thế là con dâu vẫn chưa chết !

*Tục ngữ chú ý tới lao động, nhưng lao động của*



*người Mông vất vả lắm. Giá trị của con người là ở chỗ có lao động và biết lao động hay không.*

- Tiền bạc trên đá

*Không làm khó nhọc thì không có tiền*

- Con gái không biết làm lanh,

*lấy được chồng vẫn rách,*

*Con trai không biết làm nường,*

*lấy được vợ vẫn đói.*

*Và cũng hóm hỉnh khi đưa ra một kinh nghiệm sống, nên khôn ngoan hơn, cập nhật hơn :*

*Ngắm mãi, được người mù*

*Chọn mãi, được người què*

*Lấy ngay, được người đẹp.*

*Chúng ta cũng bắt gặp ở đây một lối sống có văn hoá, từng trải, thật hay :*

*Không muốn ăn, cũng nên cầm thìa một tý*

*Không muốn cười, cũng nên nhếch mép*

*một tý !*

*Bài bác lối sống vô luân, lấy đồng tiền lấn át tình cha con, và với con người, danh dự là lớn nhất:*

- Cha con thân

*Tiền không thân*

- Chưa buôn bán, là bố con

*Đã buôn bán, là khách lạ*



- Trâu chết, để da  
Người chết để tiếng

Người Mông thích tục ngữ và càng mê câu đố. Nhiều lúc họ coi cuộc đố như sinh hoạt, một trò chơi, sự giải trí lành mạnh đầy hấp dẫn và lý thú vì nó luôn luôn đem lại tiếng cười hàng loạt, do sự bất ngờ của lời đố và cái được đố. Cái được đố là vật, hiện tượng rất thường trong đời sống, nhưng nó rất vui vì trong thực tế, có nhiều người vô tâm, ít quan sát sự vật và đặc tính của sự vật. Ngoài điều ấy, khả năng giải đố dù sao cũng cần có một trình độ tổng hợp, so sánh, dù bao giờ so sánh cũng khắp khiêng về mặt nào đó (có khi lý do này cũng là có để cười). Hơn nữa, đặt câu đố hoặc giải lời đố cũng liên quan tới khả năng lắp ghép ngôn từ và trí tưởng tượng. Chính điều ấy càng làm người ta ham mê hơn.

Ấy vậy là hình thành câu đố, cuộc đố và những trận cười:

- Nhẹ không nhẹ, nặng không nặng  
Nhưng cầm mà đẩy thì chẳng được đâu.

(Nước)

- Ăn sống ăn được  
Ăn chín càng ngon  
Gieo trồng không lên

(Muối)



*Một so sánh thông thường, song trẻ con khó đoán được:*

– Ba anh em cùng đội một cái khăn

*(Cái khăn)*

– Bốn anh em chung một cái mũ

*(Cái bàn)*

*Có phần bất ngờ :*

Mắt nhìn đáng mấy đồng cân

Thực ra không nặng nổi vài ba hoa

*(Cái bong bóng nước)*

*Mọi lứa tuổi đều thích đồ. Người già vui vì có cơ hội truyền kho kiến thức cho lớp trẻ. Nhất là đối với trẻ con, lúc nào chúng cũng "ngơ ngác", cái gì chúng cũng "ngơ ngác" luôn luôn muốn nghe và hỏi dồn để được biết ngay kết quả, để "suy nghĩ" và để cười. Thật là hồn nhiên, những giờ học cách trí như vậy.*

*Chẳng quan sát thì chẳng bao giờ trả lời đúng hai câu gần giống nhau mà lời giải rất khác này :*

Ăn đằng mồm

Ra đằng sườn

*(Cối xay lúa, xay ngô)*

*và như vô lý hơn :*

Ăn đằng mồm



Ra đăng mồm

(Cái nời)

*Dù sao, câu này cũng là hiếm thấy :*

Chảo dài nấu miếng thịt dài

Từ chiều tối qua đêm, thịt vẫn tươi ngon

(Giường và người nằm ngủ)

*Đố tục giảng thanh, một quy luật chung của câu đố các dân tộc, cũng được thực hiện ở đây :*

Ban ngày chồng vợ đôi nơi

Tối về cùng ngủ chẳng rời nhau ra

(Đôi cánh cửa, ngày mở tối đóng)

...

*Như vậy, giống bất cứ dân tộc nào trên đất nước ta, người Mông cũng có nhiều tục ngữ và câu đố trong kho tàng văn học dân gian của mình.*

*Đọc và làm theo tục ngữ, con người như được mở mang trí tuệ, khôn ra, biết lẽ phải, biết tôn trọng nhau. Chúc năng giáo dục của tục ngữ rất rõ và sâu sắc.*

*Câu đố ứng với khía cạnh khác. Câu đố chủ yếu đề cao năng lực quan sát, dạy các kiến thức phổ thông bằng trò chuyện, vui chơi, đề cao năng lực phát triển ngôn ngữ nói. Câu đố mở mang trí khôn bằng sự so sánh, toàn là so sánh giữa các sự vật*



quanh ta. Rất gần đời sống nên hiện thực : Đối với trẻ em, câu đố là kho báu kiến thức vỡ lòng trong năm tháng lớn khôn của chúng. Như đã thấy, câu đố tạo được những trận cười đột ngột, sáng khoái, vì lời đố có vẻ ngoắt ngoéo nhưng lời giảng thì giản dị, bất ngờ. Cho nên, ngoài tác dụng giáo dục (kiến thức, ngôn ngữ dân tộc), câu đố có giá trị giải trí lớn và như làm cho con người nhanh trí hơn, vì đã đố là phải động não.

Tục ngữ và câu đố đúng là kho báu trí tuệ của mỗi dân tộc. Người Mông hiểu điều đó và rất trân trọng tục ngữ và câu đố của mình. Vì vậy, đây cũng là tài sản phi vật chất của dân tộc.

Tuy nhiên, về tục ngữ vẫn còn loại nội dung vắng mặt. Sự thiếu hụt này do người sưu tầm chịu trách nhiệm, bởi khả năng hạn chế nhiều mặt : sự am hiểu về ngôn ngữ dân tộc, địa bàn sưu tầm chưa rộng và thời gian cùng sức khỏe cũng là một lý do có thể dẫn ra để tự biện hộ. Về câu đố, tình hình cũng tương tự như vậy.

Nhưng nếu đợi một nội dung súc tích hơn, số lượng nhiều hơn, e rằng quá lâu, có thể chẳng bao giờ nữa. Cho nên dù ít, cũng xin giới thiệu với bạn đọc như món quà nhỏ, những bông hoa vẫn có thể gọi là đầu mùa của một dân tộc mà soạn giả có dịp làm quen và chung sống khá lâu ...

Để có được cuốn sách nhỏ này, tôi xin ghi nhận



công ơn :

- Những nghệ nhân đã vui lòng nói, đọc cho tôi mỗi người dăm ba câu, để những cơn gió nhỏ góp nên trận bão lớn.

- Ông **Thào Mí Páo** - hồi ấy, cách nay hơn 20 năm - là thanh niên, thạo chữ Mông và sõi tiếng Việt đã giúp tôi phiên dịch, ghi chép chữ Mông cho tôi một cách chăm chỉ.

- Ông **Mã A Lềnh**, Hội văn học nghệ thuật Lào Cai, có gửi cho tôi gần 30 câu tục ngữ, để trao đổi và so sánh. Sau khi đối chiếu, tôi sử dụng hơn 10 câu (Linh Jang. Thư ngày 1 - 9 - 1983).

- Cuốn sách thêm phần phụ lục chữ Mông. Đây lại là công lao chính lý của ông **Phan Thanh** (Bộ Giáo dục và đào tạo) đã xem lại mọi điều cần thiết : lỗi chính tả, nội dung bản dịch lần cuối, một cách nghiêm túc.

- Cuối cùng là sự đỡ đầu của **Nhà xuất bản Văn hoá Dân tộc**, đã vui lòng nhận giới thiệu tác phẩm này.

Nhân tác phẩm ra đời, tôi bày tỏ lòng chân thành biết ơn chung.

Tôi cũng mong nhận được ý kiến của độc giả, để chúng ta có thêm cơ hội hiểu dân tộc Mông hơn nữa.

**Tác giả**  
**11 - 1994**





## TỤC NGŨ

- 1 - Thấy gấu ba năm khổ,  
Thấy hổ ba năm nghèo<sup>(1)</sup>
- 2 - Lên rừng sợ gặp gấu nuôi con  
Ra đường sợ gặp kẻ say rượu<sup>(2)</sup>
- 3 - Mùa màng không hợp hại một vụ  
Vợ chồng không hợp hại một đời
- 4 - Đã tìm thấy dâu thì phải cưới ngay  
Đã gọi được rắn ra khỏi hang  
thì phải đánh chết<sup>(3)</sup>
- 5 - Một tay vỗ không kêu  
Ba tay vỗ vang rừng
- 6 - Muốn ăn cá đừng sợ nước sâu
- 7 - Không muốn ăn cũng nên cầm thìa một tý  
Không muốn cười cũng nên nhếch mép



8 – Ròng chưa chết, chưa hết nước

Chưa lấy được em, chưa hả lòng anh<sup>(5)</sup>

9 – Hồ chưa chết, rừng chưa hết

Yêu em, em chưa chết, chưa bỏ em được

10 – Cây già cây không khô

Người già càng năng nổ<sup>(6)</sup>

11 – Gừng già, gừng càng cay

Người già hiểu điều hay

12 – Chưa được, khen tốt khen hay

Được rồi, dúi cui vung tối ngày

13 – Quan sợ nhân dân

Giàu sợ kẻ đần<sup>(7)</sup>

14 – Càng giàu càng tham làm

Càng nghèo càng hám ngủ<sup>(8)</sup>

15 – Miệng nói tay làm

Tay làm hàm nhai

16 – Trời hạn bảy năm lúa lìa ruộng

Gừng hạn tám năm cuống vẫn tươi<sup>(9)</sup>

17 – Củi cong khó đun

Người già khó chiều

18 – Rể già biết lễ phép

Rể trẻ hay khép nép



- 19 - Sừng bò không đè nặng đầu bò<sup>(10)</sup>
- 20 - Gà gáy đằng gà, vịt kêu đằng vịt<sup>(11)</sup>
- 21 - Bố mẹ ốm trong nhà không lo bằng  
gái lớn chưa gả chồng
- 22 - Ở xa trông đẹp gái  
Đến gần nhìn mà hãì<sup>(12)</sup>
- 23 - Ngựa gầy, ngựa lông dài  
Người nghèo, người kém thế<sup>(13)</sup>
- 24 - Một chân đứng không vững  
Một tay vỗ không vang
- 25 - Ở gần trời chẳng thương cho  
Xa nhau mới thấy những lo với buồn
- 26 - Nghĩ trước, nói sau<sup>(14)</sup>
- 27 - Có ăn mới có mặc
- 28 - Miệng giòn không bằng tay làm  
Làm nhiều không bằng làm kỹ
- 29 - Có trời mới có đất  
Có đất (mới) có cỏ (cây)  
Có già mới có trẻ  
Có trên mới có dưới<sup>(15)</sup>
- 30 - Lời tốt chóng quên  
Lời dở nhớ mãi<sup>(16)</sup>
- 31 - Chăn gà còi được cái đùi



Nuôi con côi chuốc thù oán<sup>(17)</sup>

32 - Bò có đường cày bò

Ngựa có đường ngựa đi (18)

33 - Ăn gạo người ta, phải làm con người ta<sup>(19)</sup>

34 - Mặc nhung lụa của ai

Làm bạn với người ấy

35 - Sống không dạy đời

Chết không dạy ma<sup>(20)</sup>

36 - Lời tốt mang về nhà

Lời xấu vút giữa đường

37 - Lông chó không mọc dài được<sup>(21)</sup>

38 - Mười đời quan, một đời dân<sup>(22)</sup>

39 - Sống là người, chết ra ma

40 - Biết ngày sống, không biết ngày chết

Biết ngày giàu, không biết ngày nghèo<sup>(23)</sup>

41 - Kể không bằng thấy

Thấy không bằng làm<sup>(24)</sup>

42 - Già thích thịt hầm béo

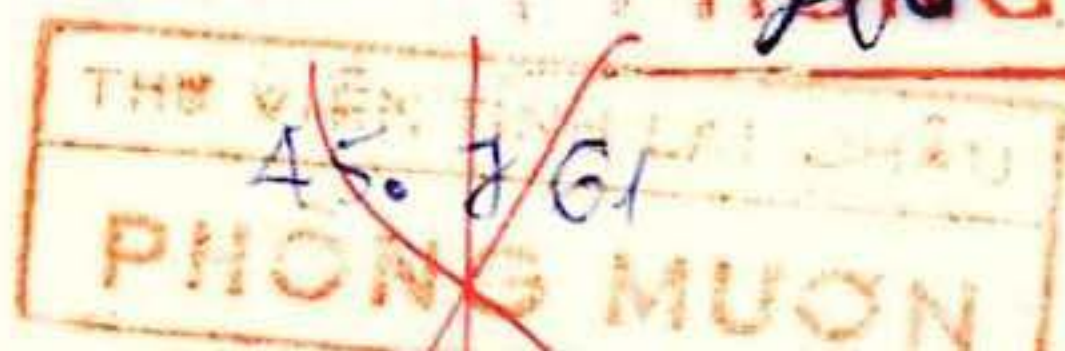
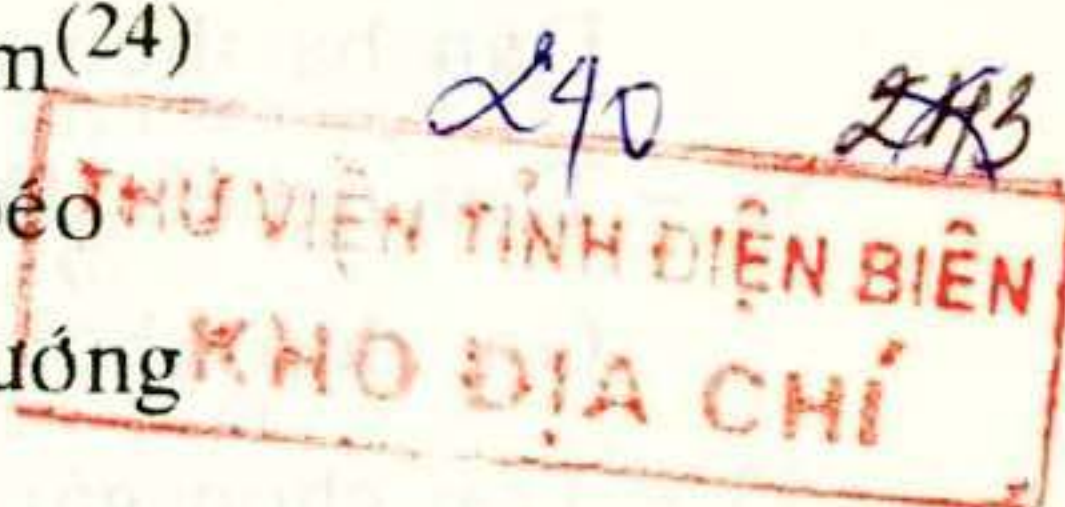
Trẻ con thêm thịt nướng

43 - Già ăn gan

Trẻ ăn cánh

Bé ăn còng (đùi)

44 - Ao biết cạn nước





Rượu uống không biết tốn  
(Uống rượu không đã thêm)

45 – Nước suối có khi cạn

Rượu uống không hề vơi

46 – Một cây không làm nổi nhà

Một người không dễ chia bảy xẻ ba.

47 – Sức lộn ở cổ

Sức rẽ ở vai

48 – Đàn bà có sức ở hông

Đàn ông có sức ở vai

49 – Lưng mình, (mình) không gãi được

Người nhà ốm, (mình) không  
chữa khỏi được<sup>(25)</sup>

50 – Đàn bà hình dáng đoan trang

Đàn ông sắc sảo khang trang của nhà<sup>(26)</sup>

51 – Đàn ông có của

Đàn bà theo sau

52 – Trai nghèo đầy rận chấy

Gái đẹp không thêm lấy

53 – Trai chọn gái, chọn người đẹp

Gái chọn trai, chọn ruộng nương

54 – Nhà ngói không phải nơi thử đá

Nhà tranh không phải nơi thử lửa



- 55 – Biết chữ không bằng biết điều  
Con gái biết không bằng con dâu<sup>(27)</sup>
- 56 – Có (quả) óc chó, đừng ngại tìm cái đập.  
Có con trai, đừng ngại tìm dâu đẹp<sup>(28)</sup>
- 57 – Giỏi lội nước, chết đáy nước  
Giỏi tình, chết trên đui tình.  
(Giỏi tán gái, chết vì gái).
- 58 – Ít người, canh nấu đặc  
Đông người canh không thừa<sup>(29)</sup>
- 59 – Vợ mới (vợ hai) nát gan  
Chồng xấu (lười) nát tim<sup>(30)</sup>.
- 60 – Bò chết còn đôi sừng  
Cha chết còn con cái
- 61 – Hổ chết còn tấm da  
Anh em chết hết còn con chó côi<sup>(31)</sup>
- 62 – Có thuốc, nên hút nhiều điếu  
Có chuyện, nên nói nhiều lần<sup>(32)</sup>
- 63 – Càng giàu, càng giữ của  
Càng nghèo, càng tiêu pha.
- 64 – Đèn không thối không tắt  
Người không nghèo, không biết khổ
- 65 – Nàng tiên dưới trần mới hiếm  
"Nàng gậy gẩy rác", trần gian thiếu gì



- 66 – Chồng già, chồng quý vợ  
Chồng bé, chồng khóc lóc
- 67 – Trời to, đất rộng
- 68 – Thịt đỏ, rau xanh<sup>(33)</sup>
- 69 – Gái mười sáu biết giặt giũ  
Trai mười tám trai thành người
- 70 – Gỗ tốt (có) sâu tốt đục  
Người ác có người ác trị
- 71 – Cây tốt có sâu tốt đục  
Người giỏi, có người giỏi hơn
- 72 – Năm lúa tốt vẫn có ba hạt lép  
Người thủy chung vẫn có ba người tình
- 73 – Ban ngày trời rộng  
Ban đêm trời hẹp
- 74 – Cậu đến như cáo đến  
Thông gia đến như hổ đến<sup>(34)</sup>
- 75 – Tình yêu mang tiếng tốt  
Ăn cắp mang lời xấu
- 76 – Tình yêu kể một thời  
Ăn cắp tiếng để đời
- 77 – Tình duyên xấu, xấu một thời  
Cướp giật xấu, xấu cả đời
- 78 – Tình yêu tốt một thời



Vợ chồng tốt cả đời

79 - Cây lớn, cây chia cành

Người lớn, người chia gia đình

80 - Gai nhọn không phải mài

Người khôn không phải dạy

81 - Chửi quan (vẫn) cần quan

Chửi thợ rèn (vẫn) cần thợ rèn

Chửi thầy cúng (vẫn) cần thầy cúng

82 - Mẹ hoai chân

Con múa tay

83 - Điên (say) rượu bị nện

Nằm (bên) bếp bị bỏng

84 - Đàn bà đau bụng vì chửa

Đàn ông đau bụng vì gái

85 - Lá cùng (chung) cây

Giống cùng (chung) nòi<sup>(35)</sup>

86 - Trai hai mươi tuổi ước có đàn bà

Gái ba mươi tuổi ước có con trai(đỡ đàn)

87 - Chó chết bọ (chó) cũng chết

88 - Chưa biết thì thích biết

Biết nhiều thì thấy hại<sup>(36)</sup>

89 - Sương mù thì trời nắng

Uống rượu mặt đỏ dần



- 90 – Có nước, tất cả cùng đổ  
 Có tiền, tất cả cùng tiêu
- 91 – Đi ngoài không chùng mực  
 (Nhu) nói năng, không ngừng nghỉ
- 92 – Con qua không có nơi đậu  
 Người Mông không có quê hương<sup>(37)</sup>
- 93 – Ăn cay đắng không tủi thân  
 Bị chửi cay đắng thì tủi đời
- 94 – Bán con gái, tất cả kéo đi ăn  
 Mua con dâu, tất cả kéo đến giúp<sup>(38)</sup>
- 95 – Có nhiều mặc nhiều  
 Có ít mặc ít  
 Không có cũng thôi<sup>(39)</sup>
- 96 – Bò tốt, bò theo đường cày  
 Người giỏi, sống theo lý lẽ.
- 97 – Sống cùng người (ở với người)  
 Chết cùng ma (về "xú ma")
- 98 – Sống cùng làng  
 Chết cùng (khu) mộ<sup>(40)</sup>
- 99 – Đàn ông (chồng) chết, đàn ông đi hẩn  
 Đàn bà (vợ) chết, đàn bà (lại)  
 ở trong buồng<sup>(41)</sup>
- 100 – Mở cửa là một làng



Đóng cửa là một nhà

101 – Thêm thịt, làm thầy cúng

Thêm rượu, làm mối mai

102 – Vợ chồng cãi nhau không bỏ giường

Anh em cãi nhau không bỏ ma

103 – Anh em mắng nhau vì thờ cúng

không công bằng

Vợ chồng cãi nhau vì không bình đẳng

104 – Anh em cãi nhau vì ruộng nương

Vợ cả, vợ lẽ cãi nhau vì ghen tuông

105 – Nắng về thì mình bị nóng

Mưa về thì mình bị ướt<sup>(42)</sup>

106 – Trời khô đất cạn

107 – Trời tối, đất tối

108 – Trời hết rồi !<sup>(43)</sup>

109 – Có bố mẹ, than thân không ra nước mắt

Mất bố mẹ, khóc than đến chết ngất

110 – Có thịt không đến lượt mình ăn

Có lời, không đến lượt mình nói<sup>(44)</sup>

111 – Tiền bạc trên đá

Không làm khó nhọc thì không có tiền<sup>(45)</sup>

112 – Muốn ăn đủ, nhờ có hai tay

Muốn ăn no, nhờ hai tay mà có



- 113 – Đất xấu, không phân bón,  
cây không nở hoa, mẹ chết đói  
Đất xấu, không vun xới, cây không kết quả,  
chết vợ chồng mình
- 114 – Người chăm làm, tiền bạc kéo tới  
Kẻ lười nhác, thì chăm ăn trộm
- 115 – Gạo càng già càng trắng  
Người càng làm càng chăm
- 116 – Rách áo ai cũng thấy  
Đói bụng không ai thấy đâu (Ăn đi !)<sup>(46)</sup>
- 117 – Người không lễ phép thì trời cũng ghét
- 118 – Lên rừng đau chân, xuống suối có bát canh ăn  
(Lên rừng cong nhúc chân,  
xuống suối bắt được tôm cá)
- 119 – (Thịt) trâu béo cùng nhau ăn  
(Thịt) trâu gầy cùng nhau gắp
- 120 – Đuôi trâu đánh trâu không đau
- 121 – Chọn miếng thịt cho già  
Đưa miếng xương cho trẻ
- 122 – Có súng không bắn chim bồ câu  
Có sức, không đánh người ăn củ mài<sup>(47)</sup>
- 123 – Người tốt, rượu không tốt
- 124 – Vòng (quàng) gần (mặt trời) thì chóng mưa



- Vòng (quầng) xa (mặt trời) thì còn nắng  
125 - Trời nắng chết rau, trời mưa xanh lá  
126 - Đất phải cày mới ải  
Người không khuyên không tỉnh  
(Nương không cày (đất) không xốp  
Người không dạy, không biết)  
127 - Đất kêu ù ù  
Trời kêu ồ ồ  
Sét nổ âm âm  
Việc làm đã đến  
128 - Lợn dũi máng, trời nắng  
129 - Gà ngủ muộn, trời mưa  
130 - Gà ngủ sớm (lên chuồng), trời nắng  
131 - Nắng sớm hay bóng mây, trời râm  
132 - Ánh lửa đỏ, (ráng đỏ), trời sắp tối  
133 - Ánh lửa vàng, (ráng vàng), trời chưa tối  
134 - Quầng quanh mặt trời, sắp mưa  
135 - Quầng xa mặt trời, còn nắng  
136 - Vun ngô, đất bám mắt, ăn không hết<sup>(48)</sup>  
137 - Mưa về theo mưa  
Gió lớn theo gió  
138 - Trời xanh thì nắng (nắng, thấy trời xanh)  
Mây đen thì mưa (mưa, thấy mây đen)



- 139 - Nhìn lên thấy trời  
Nhìn xuống rõ đất  
(- Trời sáng)
- 140 - Ruộng muện không hợp mạ già
- 141 - Đum đúm trĩu quả lo đói kém
- 142 - Nương dốc có chuột  
Nương bằng có rắn (49)
- 143 - Người lười, ngắm điều hâu cấp rắn  
trên bầu trời  
Người lười, ngắm điều hâu cấp rắn  
bay đi lượn lại
- 144 - Mình đến nhà người, thì mình ăn nhiều.  
Người đến nhà mình, thì mình ngồi gãi
- 145 - Mồm nói ra dáng chàng trai  
(Mà) vào bụi sợ rắn, vào rừng sợ hổ.
- 146 - Mắt mù thấy ánh trăng  
Tai điếc, nghe nói thầm
- 147 - "*Dù xấu*" lăn nằm xuống  
Lừa dối, rượu thịt uống<sup>(50)</sup>
- 148 - Vất vả không chết  
Ốm mới chết
- 149 - Ăn nhiều không no  
Mặc nhiều không ấm<sup>(51)</sup>



- 150 – Trồng ngô không huýt sáo  
Trồng đậu không uống rượu<sup>(52)</sup>
- 151 – Người không cốm, không có sức  
Lúa không phân, lớn sao được ?
- 152 – Nước to dễ sang dò  
Người đông dễ làm ăn
- 153 – Hạt tốt, mầm mọc khoẻ  
Mẹ hiền dạy con ngoan  
Con ngoan nhờ mẹ dạy  
Mạ khoẻ, lúa to cây
- 154 – Nói ít nhớ lâu  
Nói nhiều quên mau<sup>(53)</sup>
- 155 – Nói cao va phải trán  
Nói thấp chạm phải chân<sup>(54)</sup>
- 156 – Tập khèn được thịt chén  
Tập sáo bị dao chém<sup>(55)</sup>
- 157 – Miệng chai bịt được nổi  
Miệng người khó nổi bịt bung
- 158 – Bò chết để lại sừng  
Bố chết để lại con<sup>(56)</sup>
- 159 – Bò chết, lưỡi cày hỏng<sup>(57)</sup>
- 160 – Bò chết, vết chân hổ méo<sup>(58)</sup>
- 161 – Gai dễ đâm thủng lá



- 162 – Lá không dễ đâm gai  
Con dâu tốt, nam giới khen  
Con gái đẹp, con dâu chì chiết<sup>(59)</sup>
- 163 – Béo, (cũng) là lợn của mày  
Gầy, (cũng) là lợn của mày<sup>(60)</sup>
- 164 – Sông lớn dễ chèo đò  
Quan lớn dễ nói chuyện
- 165 – Trâu chết để da  
Người chết để tiếng (*xem câu 158*)
- 166 – Ông chặn tay ta  
Người chặn chân ông
- 167 – Quay mặt với nhau khó  
Quay lưng với nhau dễ
- 168 – Lấy vợ, lấy chồng chọn nơi  
Mua trâu, mua bò chọn khoáy
- 169 – Mua mèo rẻ tiền, mèo không bắt chuột  
Hỏi vợ ít tiền, vợ không biết việc
- 170 – Mèo không mất tiền mua là mèo xấu,  
bắt chuột không nên  
Dâu không mất tiền mua là dâu tồi,  
trông nhà không nổi
- 171 – Tậu trâu, bò rồi, mua rượu làm chứng, mới đặt  
Hỏi được vợ, phải đặt thời gian, mới cưới<sup>(61)</sup>



- 172 - Đũa có chiếc ngắn chiếc dài  
Vợ chồng có người chậm (dốt),  
người nhanh (sáng ý)
- 173 - Thèm thịt làm "sư cá"  
Thèm rượu làm mối mai<sup>(62)</sup>
- 174 - Trong nhà có vài (con) dao không sắc  
Trong họ có vài người không khôn
- 175 - Nói nhiều - bịt lỗ tai  
Nói nhiều - để ngoài tai
- 176 - Có thuốc hút thêm điều  
Có chuyện nêo giảm lời<sup>(63)</sup>
- 177 - Ngựa lành , người ta cười  
Ngựa hiền, người bắt nạt<sup>(64)</sup>
- 178 - Khôn, không khôn hết  
Dại, không dại hết  
Biết thì sống<sup>(65)</sup>
- 179 - Có bố mẹ vợ, chăm đi thăm  
Không bố mẹ vợ, thăm chào, thăm chỗ
- 180 - Bố tái (vợ) là cháo canh  
Mẹ tái (vợ) là mèn mén<sup>(66)</sup>
- 181 - Cá nhờ nước, cháu nhờ cậu<sup>(67)</sup>
- 182 - Đẻ nhiều, sợ đói  
Đẻ ít, sợ chết



- 183 - Cha mẹ thương con mười  
Con thương cha mẹ một
- 184 - Sống, ước có ăn, có mặc  
Chết, ước có vàng, có hương<sup>(68)</sup>
- 185 - Tre thẳng, dễ dùng  
Người thẳng, khó nói
- 186 - Cha mẹ chết, thì rượu đổ  
Cha mẹ chết, thì nhà rách, vườn hoang<sup>(69)</sup>
- 187 - Ngắm mãi, được người mù  
Chọn mãi, được người què  
Lấy ngay, được người đẹp<sup>(70)</sup>
- 188 - Tha thì tôi sống  
Đánh thì tôi chết
- 189 - Lợn ăn phải sạn, lợn dũi mũi  
Hổ tới bắt lợn, lợn cùng nhau che chắn
- 190 - Nghèo liều thân chết<sup>(71)</sup>
- 191 - Học võ, không đủ (miếng) đánh  
Học tiếng, không đủ (tiếng) nói<sup>(72)</sup>
- 192 - Rắn trong hang, không chọc không ra  
Rắn đã chui ra, phải đánh ngay, đánh chết
- 193 - Anh đi đâu, em đi theo  
Anh sống được, em sống được
- 194 - Em chạy lên trời, anh lồi xuống đất



- 220 - Em chạy xuống hố, anh túm tóc lên
- 195 - Phi ngựa dễ coi  
Ngã ngựa khó nhìn
- 196 - Hết tiền, hết khôn
- 197 - Biết người, không biết tính  
Nói nhiều, người mất lòng
- 198 - Không được mời, chớ phiền lòng  
(Được) mời một bữa, trả một bữa
- 199 - Uống rượu, thì bảo say rượu  
Không uống rượu thì bảo say cơm
- 200 - Sắp ngã không bao giờ biết
- 201 - Bê không chết, bê thành bò mộng  
Con côi không chết, con côi nên người
- 202 - Lấy chồng, (lấy người) đi chợ  
biết mua dầu muối  
Lấy vợ, (tìm người) sắm sét biết về nhà<sup>(73)</sup>
- 203 - Rau nhạt thì bỏ thêm muối  
Người dại thì khuyên vài lời
- 204 - Ban ngày mặt sạch  
Ban đêm mặt nhọ (đen)
- 205 - Lấy vợ, lấy người vá, người giặt  
Lấy vợ, không phải lấy người nằm, người chơi
- 206 - Người nghiện (thuốc phiện) mặt vàng



- Người chữa mặt xanh
- 207 – Nghiện thuốc (phiện) không có thì chết  
Nghiện rượu không có thì gầy
- 208 – Uống rượu không uống thành bữa  
Hút thuốc không hút lúc ốm<sup>(74)</sup>
- 209 – Thuốc phiện là ma, là người  
Thuốc phiện là âm, là dương<sup>(75)</sup>
- 210 – Trẻ tuổi không nghiện hút  
Có con, nghiện vẫn vừa
- 211 – Trẻ tuổi, chớ uống rượu  
Có vợ uống vẫn vừa
- 212 – (Cho) thuê thì (có) lãi  
Giúp (không) thì tốn kém
- 213 – No bụng lên mặt bác  
Đói bụng nhận là cậu
- 214 – Có thịt, băm tức khắc  
Có lời nói tốt ra ngay<sup>(76)</sup>
- 215 – Sốt rét không bằng ỉa tháo  
Xem bói không bằng nằm mơ<sup>(77)</sup>
- 216 – Trời quang, đất phẳng<sup>(78)</sup>
- 217 – Trời bằng, đất yên
- 218 – Trời ướt, đất ẩm
- 219 – Trời ma, đất quái<sup>(79)</sup>



- 220 - Trời rét, đất buốt
- 221 - Trời phản đất loạn
- 222 - Trời bệnh, đất tật<sup>(80)</sup>
- 223 - Trời lở đất nhào
- 224 - Thịt đất lúc mở hàng
- Gái (gả) tốt với người đầu tiên<sup>(81)</sup>
- 225 - Ăn không để nôn
- Yêu không để lấy
- Ăn, nôn ra bán thiú
- Yêu, lấy về uốn éo<sup>(82)</sup>
- 226 - Giỏi, không giỏi cả đời
- Nghèo, không nghèo cả kiếp<sup>(83)</sup>
- 227 - Có tiền không nghèo
- Có nhà không chết
- 228 - Nhiều lợn, lợn nhảy chuồng
- Đông người, người nghịch ngợm
- 229 - Gái 20 tuổi mơ chồng người
- Trai 30 tuổi ước có con trai (đi rừng)
- 230 - Vợ mình ai cũng muốn yêu, mới quý
- Vợ mình không ai muốn yêu, không vui
- 231 - Vợ đẹp (nhưng là) vợ người
- Vợ xấu (nhưng là ) vợ mình
- 232 - Người nào cũng mong ngôi nhà đẹp



Trai nào cũng ước cô vợ xinh

233 – Ngón tay có ngón ngắn, ngón dài

Vợ chồng có người thấp , người cao

234 – Già muốn ăn ngon

Trẻ muốn mặc đẹp

235 – Chết đang xuân ai cũng thương, cũng nhớ

Chết quá già ai cũng chò, cũng mong

236 – Anh sinh chín tháng, thành trứng vịt

Ta sinh bảy tháng thành trứng gà

237 – Hàm răng đều (đẹp) đôi khi cũng cần phải lười

Vợ chồng hợp (duyên) đôi khi cũng có đôi hờn

238 – Cây cần vỏ, người cần mặt

239 – Sinh ra ba ngày cũng là một đời người

(Sống ba ngày cũng là một đời người)

240 – Ai chết trước là bà, là ông, là cha, là mẹ

Ai chết sau là cháu, là con

241 – Giàu, không giàu ba đời

Quan, không làm được ba đoạn (lần)

242 – Khoai rừng có khúc to, khúc nhỏ

Đời người có lúc lên, lúc xuống

243 – Mình biết mình giàu

Mình không biết người giàu

244 – Mình thấy nhà mình nghèo



- 245 – Mình không thấy nhà người nghèo
- 245 – Thầy cúng nhiều, không thấy ma
- 246 – Không thắp hương, không thấy ma
- Thắp hương, ma ngồi chờ
- 247 – Bò không thấy bâu bò
- Ta không thấy lưng ta
- 248 – Vịt già, thịt cứng (dai)
- Người già, teo thịt
- 249 – Cây già, ruột cây rỗng
- Người già, thành trẻ con
- 250 – Lá nuôi cây
- Giống nuôi loài
- 251 – Ăn no, ngủ không mơ thấy đói
- Uống say, nằm không mơ thấy thèm
- 252 – Ra ngoài, rượu uống tới say
- mới là nhiều bạn
- Ra đường, rượu uống không say
- là người không bạn
- 253 – Nuôi con lợn béo còn được ăn mỡ
- Nuôi con gái lớn không được cái gì
- 254 – Dẻ con gái như gạo nước đổ đi rồi,
- không lấy lại được<sup>(84)</sup>
- 255 – Con lợn nuôi béo dễ nhìn



- Con gái nuôi lớn khó coi
- 256 - Cưới dâu còn được người  
Gả con gái là mất hút<sup>(85)</sup>
- 257 - Con dâu chết đi, con dâu nằm trong buồng  
Con trai chết đi, không bao giờ về nữa<sup>(86)</sup>
- 258 - Uống rượu thì ăn thịt  
Ăn cơm thì chan canh<sup>(87)</sup>
- 259 - Gà trống kiếm được, gà trống ăn  
Gà mái kiếm được gà mái ăn<sup>(88)</sup>
- 260 - Con sống, bố mẹ lo lập gia đình  
Con chết, bố mẹ lo làm tang ma
- 261 - Lá chuối, không là nhưng lựa  
Người lạ, không phải bạn bè
- 262 - Thịt chó nhẹ cân  
Người Mông nhẹ dạ
- 263 - Chồng chết, vợ đi biệt tăm  
Vợ chết, ba hôm vợ lại về buồng<sup>(89)</sup>
- 264 - Giàu không nuôi vịt  
Nghèo không nuôi ngựa
- 265 - Bố mẹ thương con trai như chum vàng  
Bố mẹ thương con gái như chum bạc
- 266 - Con gái chỉ giúp nhà một thời  
Con trai mới giúp nhà cả đời



- 267 – Anh em không cách ma  
Vợ chồng không cách giường
- 268 – Anh em chung ma tổ  
Vợ chồng chung chăn gối<sup>(90)</sup>
- 269 – Bò hoa đầu, không hoa đuôi  
Không mổ thịt thì bán, không nuôi
- 270 – Lợn (nái) hoa đầu  
Nghé hoa chân
- 271 – Làm hổ không ngại đường dài  
Làm mối không ngại đường xa
- 272 – Làm vợ (hãy) làm vợ lẽ, để chồng yêu  
Làm con (thì) làm con út để mẹ quý
- 273 – Con cả là con làng, con xóm  
Con út mới là con chôn<sup>(91)</sup>
- 274 – Bố mẹ thương con từ lúc ngón tay con bằng  
hột (lúa) mạch, ngón chân con bằng hạt đỗ  
Bắp đùi làm ghế ngồi, cánh tay làm gối đệm.
- 275 – Cậu đến (như) cáo đến  
Ông bà tái (bố mẹ vợ) đến (như) hổ đến<sup>(92)</sup>
- 276 – Rể đến, súc đến
- 277 – Thương con bằng cơm, bằng thịt  
(Chú) không thương ở, thương nằm
- 278 – Uống nước giếng cạn



Rượu uống, có bao nhiêu

279 – Gái đẹp, không biết làm lành, cũng xấu

Trai khỏe, không biết cày ruộng cũng hèn

280 – Huýt sáo hay mấy (cũng) không bằng khèn

Thầy đồng thiêng bao nhiêu

cũng không bằng giấc mơ

281 – Một kiêng hút

Hai kiêng bạc

Ba kiêng tình

Bốn kiêng rượu

282 – Càng làm, càng chăm

Càng chăm, càng giàu

283 – Càng lười, càng nghèo

Càng nghèo, càng đói

284 – Lấy vợ, lấy nhà giàu, được vợ chăm

Lấy vợ, lấy nhà nghèo, được vợ lười

285 – Có chồng ấm nhà

Có vợ ấm bếp

286 – Đàn bà làm chủ thì nghèo

Gà mái gáy thì gở (chết)

287 – Khách đến, thuốc đến<sup>(93)</sup>

288 – Đất khô (sợ) hại mầm

Mẹ lười hại con trai



- 289 - Đất khô (sợ) hại hạt đỗ  
Bố lười (sợ) hại (đến) con gái
- 290 - Không yêu, số đã định  
Không lấy, số đã cầm
- 291 - Tiền của chẵn sườn  
Bạn bè chẵn chỗ<sup>(94)</sup>
- 292 - Điều thuốc bé  
Danh dự to (tiếng tăm lớn)
- 293 - Cha con (thì) thân  
(Đồng) tiền không thân
- 294 - Chưa buôn bán, là bố con  
Đã buôn bán, là khách lạ
- 295 - "*Dù sáu*" lăn nằm ngang  
Lừa dối gà mỗ ăn
- 296 - Chó lùn, nhiều xương sườn  
Người lùn, nhiều mảnh khoé
- 297 - Tổ tiên (ma nhà) mời ở bàn thờ  
Khách (ma lạ) mời ở ngưỡng cửa
- 298 - Biết nói, người ta yêu, người ta quý  
Vụng nói, người ta ghét, người ta giận
- 299 - Ngủ với con, ấm mình  
Ngủ với vợ, ấm lòng
- 300 - Vợ chồng để bảo nhau



Cha con khó xuôi lời

301 - Mật thật thấm giấy bản

Lời thật, khó thấm lòng<sup>(95)</sup>

302 - Trâu bò, hiện ở xoáy

Con người, hiện ở tay

303 - Gái lấy chồng, hỏi mẹ

Trai lấy vợ, hỏi cha

304 - Mặt trời không bằng mặt trăng

Người dung không thể bằng chồng

305 - Đuôi bò, đập bò không đau

Mình cứu con cháu mình, không thiệt

306 - Sống, là vợ của người

Chết, là ma của người<sup>(96)</sup>

307 - Mẹ già không làm được, mẹ phải mua dâu

Bố già không đi được, bố phải sắm con ngựa

308 - Trời thăm đất thương

309 - Trời khô đất ròn

310 - Tránh cáo lại gặp hổ

311 - Làm ngựa cho họ cưới

Làm bò cho họ cày

312 - Ăn giỏi người chê

Làm giỏi người khen

313 - Tay làm, tay ăn



(Có làm, có ăn)

314 – Có thời vàng không bằng có mảnh nương

315 – Con gái không biết làm lành  
lấy được chồng vẫn rách

Con trai không biết làm nương,  
lấy được vợ vẫn đói

316 – Làm nhiều người ta thương

Nói nhiều người ta ghét

317 – Trời không ba ngày sáng

Đất không ba thước bằng<sup>(97)</sup>

318 – Người mắt sáng, nhìn mặt trời, hồng mắt

Con lớn khôn, coi rẻ mẹ cha, hồng đời

319 – Chưa làm dâu, chưa biết khổ

Làm dâu ba năm mới nhớ bầu sữa mẹ

320 – Ở riêng ba năm mới thấy khó

Lấy chồng ba năm mới nhớ tới bố mẹ

321 – Trời sinh ra nắng

Đất sinh ra cỏ

322 – Để ngô trên nhà người ta

Làm chửa trên thân người ta

323 – Người thân ở gần chỉ thả lửa thiu

Người lạ ở xa phải thả rượu thịt

324 – Súng nổ ở đâu, có mặt ở đó



Trống khèn (nổi lên ở) nhà nào

có mặt (ở) nhà ấy (98)

325 - Có tay ăn, không có tay làm

326 - Ăn muốn ăn, mặc muốn mặc

Làm nương sợ nắng, làm ruộng sợ bùn

327 - Một khúc xương lừa mấy con chó gặm

Một con đĩ, lừa mấy thằng tranh



## CHÚ THÍCH TỤC NGŨ

(1). Ý:– Gấu, hổ là thú dữ. Gặp chúng một lần, nghèo khổ ba năm.

– Quan tham, sách nhiễu dân bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào.

(2). Gấu mẹ quý con. Gặp loài khác, gấu mẹ đều sợ con bị bắt nên ra sức bảo vệ, trở thành gấu dữ. Người say rượu lèm bèm cũng đáng ngại, vì họ hay sinh sự.

(3). Tương tự câu của người Việt : "Cưới vợ thì cưới liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ dèm pha".

(4). Lời khuyên nên sống lịch sự trong xử thế, tạo quan hệ tốt với mọi người.

(5). Rồng là biểu tượng của nước, nguồn nước. Mưa là do rồng đem nước (từ trời) xuống cho trần gian. Ý nói mối quan hệ khăng khít.



- (6). – Nói về sinh hoạt vợ chồng.  
 – Như câu người Việt : "Càng già, càng dẻo, càng dai".
- (7). Giống vế hai câu của người Việt :  
 Thút nhất sợ kẻ anh hùng  
 Thút nhì sợ kẻ cố cùng liều thân.
- (8). Tương đương câu người Việt :  
 "Giàu tham việc, thất nghiệp tham ăn".
- (9). Gừng chịu khô giỏi hơn lúa.
- (10). Mẹ nhỏ mấy mẹ vẫn là mẹ.  
 Con to mấy con vẫn là con.  
 Mẹ vẫn dịu được con.
- (11). Mỗi người nói một phách, không ai hiểu ai.  
 Tương tự câu người Việt: "Ông nói gà, bà nói vịt".
- (12)– Nguyên ý : "Xa nhau, không nhờ vả nhau, thấy nhau tốt."  
 – Tham khảo câu người Việt : "Xa thương, gần thường".
- (13). Ngựa gầy lông sù là ngựa yếu. Người nghèo lép vế, cũng là yếu.
- (14). Câu người Việt : "Ăn có nhai, nói có nghĩ".
- (15). Quy luật sống, có trước mới có sau. Vũ trụ cũng như nhân sinh.
- (16). Tương tự câu của người Việt :



*Miếng ngon nhớ lâu, đòn đau nhớ đời.*

(17). *Bố mẹ nuôi sơ suất dễ bị con coi (con nuôi) hiểu lầm, câu giận.*

(18). *Mỗi người có lối sống riêng, theo cá tính.*

(19). *Nhờ người thì phải lụy thân.*

*Nguyên văn: "Nhờ Hán thì phải lụy Hán".*

(20). *Khiêm tốn.*

(21). *Quy luật tự nhiên.*

(22).- *Quan thay đổi, dân vẫn thế.*

- *Câu của người Việt : "Quan nhất thời, dân vạn đại"*

(23)- *Tương đương câu của người Việt :*

*Quan nhất thời, dân vạn đại.*

- *Suy từ nghèo, giàu cũng vậy. (Tai nạn gây ra cái nghèo, khó không biết trước được).*

(24). *Câu của người Việt :*

*Trăm nghe không bằng một (lần) thấy*

*Trăm thấy không bằng một (lần) sờ*

(25). *Câu của người Việt: "Dao sắc không gọt được chuôi".*

(26). *Nhà là tài sản tối thiểu phải có trong việc lập gia đình ra ở riêng.*

*Đàn ông phải có nhà (có cửa) để đàn bà (vợ) cậy trông.*



(27)– Người từng trải mới là người lịch thiệp, có văn hoá.

– Con dâu ở với mình. Con gái thì gả cho người ta, về nhà người ta.

– Câu của người Việt :

Con gái là con người ta,

Con dâu mới thật mẹ cha mua về.

(28) Quả óc chó ăn ngon, vỏ cứng, phải đập mạnh mới vỡ, mất công, như là quả quý, đừng tiếc công. Cũng vậy, có con trai – của quý – đừng ngại tìm vợ đẹp cho nó, để giữ nòi giống mình.

(29). Nói người nội trợ đảm đang, khéo nấu nướng, lo cho đủ số người ăn.

(30). – Nát gan: Lắm chuyện rắc rối, làm phiền lòng.

– Nát tim : lắm chuyện buồn.

(31). Quy luật sinh tồn, không mất tất cả.

(32). Không nên "no đòn, đói góp". Làm gì cũng đừng thái quá.

(33). Đồ tươi.

(34). Tiếp đãi khách quý tốn kém đến phát sợ.

(35). Bộ phận và toàn thể là một.

Cá thể và cộng đồng là thống nhất.

(36). Biết, người ta nhờ vả nhiều, mất thì giờ.

Biết, nhiều người ghen ghét.



- (37). Ký ức về một thời du canh du cư liên miên của người Mông.
- (38). Bán con gái chỉ có ăn, không được gì. Mua con dâu mọi người tới giúp, mừng tiền, mừng gạo, nhà chủ được nhiều.
- (39). Tham khảo câu của người Việt : " Bớt bớt mát mát". (Bớt ăn còn hơn đi vay, tránh lụy người).
- (40). Theo cộng đồng và từng cộng đồng riêng cho côi sống và côi chết.
- (41). Vợ chết, chồng được tự do lấy vợ khác ngay, như không có gì xảy ra.
- (42). Người nghèo kể khổ.
- (43). Những lời than thường dùng mở đầu bài hát của người nghèo, như thành ngữ.
- (44). Tương tự câu người Việt:  
"Bầu dục không đến bàn tám".
- (45). Người Mông sống ở vùng núi đá. Muốn trồng ngô phải xuống chân núi địu đất lên đổ vào các hốc đá, làm thành " nương hốc đá". Công việc trồng trọt, lao động này rất nặng nhọc, vất vả. Ý câu này : phải làm việc vất vả, cực nhọc mới có ăn.
- (46). Lối mời ăn trên tinh thần hiếu khách của người Mông.
- (47). Chim là loài nhỏ bé, người ăn củ mài là người



nghèo đói, yếu ớt. Súng hay sức khoẻ là tượng trưng cho sức mạnh, không nên dùng sức mạnh để đánh người yếu đuối hơn mình.

(48). *Vun xối đất trông ngô, đất tươi xốp (bám vào lông mi) là đất tốt.*

(49). *Nương dốc hay nương bằng cũng đều là nương, tất nhiên phải có giống thú hoang tới, không tránh được.*

(50). *"Dù sáu" là hai thanh tre (hoặc gỗ) ngắn dùng để xin âm dương. Gieo (tung) lên, tùy theo sắp ngửa mà kết luận là âm dương (như người Việt gieo hai đồng tiền trình vậy). Ý : gieo thế nào thì "dù sáu" cũng sẽ nằm ngang, nằm xuống cả. Do đó, thế nào rồi thầy cúng cũng được gà, rượu ăn.*

(51). *Khuyên chỉ cần vừa đủ.*

(52). *Lao động phải tỉnh táo, nghiêm túc  
mới được việc.*

(53.) *Nói những điều đáng nói, đừng ba hoa.*

(54). *Đừng cực đoan.*

(55). *Khèn là nhạc cụ trong tang lễ, hội hè. Người thổi khèn sẽ được ăn. Sáo để thổi chơi và gheo gái. Người thổi sáo dễ sinh ghen tuông, đâm chém nhau.*

(56). *Không cái gì mất hẳn.*



- (57). *Mất hết, chẳng còn gì.*
- (58). *Hồ vật chết được bò thì cũng mệt,  
chân đi chệnh choạng (chân méo).*
- (59). *Hai quan hệ sau đây thường là xấu :  
chị dâu - em chồng và nàng dâu - nhà chồng.*
- (60). *Xấu hay tốt, béo hay gầy đều là của mình,  
đừng chê bai.*
- (61). *Việc gì cũng phải dè dặt.*
- (62). *"Sư cá" là người "thợ" thái thịt trong đám ma.  
Ông bà mỗi được mời rượu luôn.*
- (63). *Trong đám (cưới, tang, nơi đông người) nên ít  
nói. Tránh ba hoa nơi đông người.*
- (64) *Tương đương câu của người Việt:  
"Sơn ăn tùy mặt, ma bắt tùy người".*
- (65) *Tục ngữ Việt:  
"Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống".*
- (66). *Mền mền : bột ngô đồ, lương thực chính của  
người Mông. Mền mền ăn với canh mới nuốt  
được. Ý nói vợ chồng là quan hệ khăng khít.*
- (67). *Vai trò ông cậu (em ruột mẹ) rất quan trọng  
trong quan hệ gia đình. Tàn dư chế độ mẫu hệ.  
Cậu thường lo mọi mặt cho cháu (con của chị  
ruột).*
- (68). *Tương tự câu của người Việt:  
"Sống dầu đèn, chết kèn trống".*



- (69). Không còn nơi nương tựa.  
Tốn rượu thịt làm ma, rồi nghèo khổ.
- (70). Câu của người Việt : "Già kén kén hom".
- (71). Xem chú thích số 7.
- (72). Học chưa tới nơi, tới chốn, nên vô dụng.
- (73). Người chồng biết chú ý tới đời sống gia đình.  
Người vợ biết chăm lo vun vén gia đình, về nhà dọn dẹp lúc trời sắp mưa.
- (74). Rượu uống thành bữa là nghiện nặng.
- (75). Truyện cổ tích về sự tích cây thuốc phiện :  
thuốc phiện là hoá kiếp của một phụ nữ đẹp,  
quyến rũ chàng trai, con người. Cảm giác khi  
được hút: mơ màng, thấy cái gì cũng như nửa  
hư, nửa thực, nửa tỉnh, nửa mê...
- (76). Chê người nông nổi, không chín chắn.
- (77). Đi tháo dạ đáng sợ hơn.  
Nhằm mơ đáng tin hơn.
- (78). Cảnh đẹp trời.
- (79). Cảnh ma thiêng nước độc.
- (80). Cảnh có dịch bệnh.
- (81). Thịt tươi thì ngon. Người đầu tiên, được hưởng  
sự trinh bạch của gái tân.
- (82). Lời khuyên về đối nhân xử thế.
- (83). Tương đương câu của người Việt:



- Ai giàu ba họ, ai khó ba đời.

- Sông có khúc, người có lúc.

(84). Như câu "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô"  
(Một con trai là có, mười con gái là không).

(85). Nguyên ý : "Gả con gái rồi chỉ thấy phân". Phụ nữ bị coi như một công cụ, một món hàng mua bán được.

(86). Mất dâu này lại mua được dâu khác.

(87). Cơm của người Mông là mềm mền (bột ngô đồ), phải có canh mới ăn được.

(88). Trái đặc điểm của gà : gà trống thường gọi gà mái cùng ăn. Câu này ám chỉ hiềm khích nặng nề.

(89). Người đàn bà góa phải trốn biệt tới nơi không ai biết mới tái giá được với người mình chọn lựa. Nếu không, phải lấy em trai chồng theo tục "hôn nhân phu huynh đệ". Còn chồng thì lấy ngay người vợ mới thay người vợ vừa qua đời.

(90). Quan hệ dòng máu sâu sắc (giữa anh em).

(91). Con út ở với bố mẹ tới lúc bố mẹ qua đời, lo tang ma cho bố mẹ.

(92). Như chú thích 34.

(93). Khách đến phải có thuốc mời khách là phong cách dân tộc. Như người Việt lấy "miếng trầu làm đầu câu chuyện".

(94). Tiền giúp mình tránh tai nạn. Bận chiếm nghề,



chiếm nguồn sống của mình.

- (95). Lối thủ mật ong. Vế sau tham khảo câu của người Việt : "Nói thật mất lòng".
- (96). Phụ nữ phụ thuộc nam giới hoàn toàn cả lúc sống và lúc chết.
- (97). Miêu tả cảnh quan vùng quê núi người Mông : ở cao cách mặt biển từ 500 đến 800 mét, quanh năm trời có sương và mây, mặt đất dốc theo triền núi đá.
- (98). Tục người Mông : Nhà có người qua đời thì thân nhân ra sân bắn súng chỉ thiên ba phát báo cho xóm bản biết. Có tang ma là có ăn uống. Có tang đồng thời là nổi trống, khèn. Ý nói người tham ăn, hễ thấy nhà nào có việc là đến tìm ăn. Như câu của người Việt: "Tuần chay nào cũng có nước mắt".





## CÂU ĐỐ

1. Chẳng phải sắt, chẳng phải đồng  
Chém không đứt, mà ăn được.

– Nước

2. Ăn sống ăn được, ăn chín càng lành  
Ngã từ cao xuống, không chết  
mà vẫn chạy nhanh.

– Nước (từ thác đổ xuống)

3. Nhẹ không nhẹ, nặng không nặng  
Nhưng cầm mà đẩy thì chẳng được đâu.

– Nước

4. Nhìn xa xanh một màu xanh  
Đến gần thì thấy rõ rành từng cây  
Mang con trên lưng, thật hay

Nương ngô, cây ngô, bắp ngô.



5. Không có cành lại có lá

Đầu hoa nhọn, thân quả nhọn.

*Cây chuối, hoa chuối, quả chuối.*

6. Nở hoa trên không

Kết quả dưới đất.

*– Cây lạc*

7. Ba anh em cùng đội một cái khăn.

*– Cái khăn*

8. Bốn anh em chung một cái mũ.

*– Cái bàn.*

9. Hai ao nước ở hai đầu

Ở giữa bắc cầu một cái trống hoa.

*– Nồi nấu rượu*

10. Ăn sống ăn được

Ăn chín càng ngon

Gieo trồng không lên.

*– Muối.*

11. Con gì đi lên, đi xuống

Đi dọc, đi ngang đều được.

Mổ ra không có máu.

*– Kiến.*



12. Đầu nặng ba cân,  
Đuôi dài ba sải  
Xuống chỗ thường luồng ở  
Ăn con cháu thường luồng.  
– *Chài lưới đánh cá.*
13. Ở nhà chỉ một ngón (tay)  
Lên rừng ở thành ba, bốn ngón.  
– *Củ gừng trồng trên nương.*
14. Ăn đặng mồm  
Ra đặng sườn  
– *Cối xay, xay thóc, xay ngô*
15. Ăn đặng mồm  
Ra đặng mồm  
– *Cái nôi.*
16. Hai chân đứng chững chạc  
Cái lược đỏ trên đầu.  
– *Con gà trống*
17. Túi đỏ mà đựng tiền vàng  
– *Quả ớt chín*
18. Hai con ruồi chung một cái đuôi.  
– *Cái lót tay bắc nôi.*



19. Trâu lội nước không ướt sừng  
Lợn lội nước ướt đuôi  
– *Thùng gánh nước gỗ (đòn gánh là sừng)*  
*Gáo múc nước*
20. Cầm bờm ngựa, theo vết chân ngựa.  
– *Cái cân tay*
21. Trong nhà có năm anh em  
Đi đâu cũng đội năm hòn ngói con.  
– *Năm ngón tay và móng tay.*
22. Có cánh mà chẳng có đuôi  
Vừa bay lên trời đã chẳng thấy đâu.  
– *Con ong*
23. Da bọc xương, xương bọc thịt  
– *Quả óc chó*
24. Người giàu người cười ngựa ô  
Ta nghèo ta cũng cười dê cuốn sừng  
*Giày vải đen*  
*Giày cỏ (hài sảo) đan bằng cỏ*  
*hơi cong ở mũi (như sừng dê)*
25. Không phải là gáo hồng  
Mà lại bảy lỗ thùng.  
– *Đầu người*



26. Một người ngồi đây, đây ba gian nhà.

– Ngọn đèn sáng

27. Con rắn xanh vừa bò vừa đẻ trứng

– Dây bí và quả bí

28. Bố vợ chết ở sau nhà

Người qua kẻ lại thấy đều quỳ xuống.

– Đá mài và người mài dao

29. Gió thổi trên núi

Hoảng giác dưới suối

– Thổi khèn và tiếng khèn Mông<sup>(1)</sup>

30. Không phải sắt, không phải đồng

Chém không đứt, ăn không được

– Nước (Ăn khác uống

Ý : nước chỉ uống được)

31. Cậu Hán đẹp trai

Mũi gài tơ đỏ

Chẳng biết sợ ai

Sợ loài chuột sóc

– Bắp ngô

32. Lúc em còn nhỏ

Bỏ ở ngoài nương

Khi em lớn khôn



Họ về vật dái (Họ về họ lấy)

– Cây ngô – Bẻ bắp ngô

33. Ở xa trông tựa rừng già

Tới gần lại hoá đàn bà dịu con.

– Nuơng ngô – Cây ngô

34. Mang bốn hạt gieo xuống, lên bốn cây

Cho bốn quả, mặc áo, mọc tóc đỏ.

– Bắp ngô

35. Da cuốn tóc

Tóc cuốn thịt

Thịt cuốn xương

– Bắp ngô

36. Không có lá, lại có cành

Quả đâm gai nhọn.

– Cây xương rồng

37. Hai bao nếp trên đá

Ai nghịch vào sét đánh thiệt thân<sup>(2)</sup>

– Đôi vú phụ nữ

38. Hai chum mật trên đá

Dụng vào chết thiệt thân<sup>(2)</sup>

– Đôi vú phụ nữ



39. Mật ong trên đá trắng

Muốn thì muốn lắm

Chẳng dám sờ vào

Sờ vào sợ sét trên cao<sup>(2)</sup>

– Vú và ngực phụ nữ

40. Bò vàng liếm đít bò đen

– Lừa liếm tròn chảo

41. Mắt nhìn đáng mấy đồng cân

Thực ra không nặng nổi vài ba hoa

– Bong bóng nước.

42. Con lươn cong lên

Cái bánh rơi xuống

– Bò iả (đuôi bò cong lên, như con lươn)

43. Đầu bò, mắt ngựa

Bốn chân ngắn, hai tay dài

– Con bộ ngựa hoặc cào cào

44. Chân to bằng cái cán thìa

Miệng chăm nói chuyện sớm khuya với trời

– Gà trống

45. Một cái miếu (có) hai mái cong

– Con gà trống (đầu và đôi cánh)



46. Ngồi nhà nóc thấp, mái cao  
– Gà trống vỗ cánh<sup>(3)</sup>
47. Đầu là sắt, đuôi là gỗ  
Không có nó, cùi không thành  
– Búa bổ cùi
48. Ăn no gặt đầu  
– Đo gạo (gặt ống)
49. Cái chảo dài nấu miến thịt dài  
Từ chiều tối qua đêm, thịt vẫn tươi ngon  
– Giường và người nằm ngủ
50. Chảo dài lại rán thịt dài  
Lật đi, lật lại, lật hoài  
Thịt chẳng chín cho  
– Giường và người nằm ngủ
51. Lấy ba hạt gieo xuống  
Lên ba dây, cho ba quả  
Quả nào cũng mụn mọc đây  
Anh em mang đi bán lấy tiền tiêu  
– Mướp đắng
52. Như cái lỗ, chạy đi chạy về nhiều,  
nhấn bóng  
– Hang chuột



53. Không đục mà thủng  
Không gọi mà đến  
Không mài mà sắc  
Không nướng mà hồng

– *Tre, vầu. Chuột. Cỏ gianh. Quả ớt*

54. Túi đỏ đựng bạc (tiền)

– *Quả ớt chín*

55. Mẹ cõi trường (cho) con mặc váy  
Mẹ đi trước, con bước theo sau.

– *Tre, măng.*

56. Vỏ cứng như sắt bao quanh  
Miệng mang nắp đậy, rau canh trong mình

– *Con ốc (rau : thịt ốc  
Canh : nước ốc)*

57. Có hai sừng chẳng có răng  
Có nhà be bé mang đi theo mình

– *Ốc sên*

58. Có hai răng, chẳng có sừng  
Có nhà be bé, đi đường mang theo

– *Con cua*

59. Sáng ra quay lại, quay đi  
Tối về quen thói, đứng ý người ra

– *Đôi cánh cửa.*



60. Ban ngày chồng vợ đôi nơi  
Tối về cùng ngủ, chẳng rời nhau ra  
– *Đôi cánh cửa*

61. Như con rắn nằm trên đá  
Bò đến đâu cây, cành, lá sạch trơn.  
– *Dao cạo, cạo tóc<sup>(4)</sup>*

62. Chim bay vòng rừng  
– *Dao cạo cạo quanh đầu*

63. Trông như một đồng củi  
Chợt thấy cho hoa ra  
– *Tổ chim hoa*

64. Cái be bé ăn tham củi  
Đánh rắm kêu to  
– *Súng kíp*

65. Bên này là đá  
Bên kia là đá  
Nhảy vào lòng đá (nó)  
Vừa chắm ngang lưng  
– *Cái quần, mặc quần*

66. Sấm kêu ù ù  
Quả su su to dần lên  
– *Cái xa quay sợi. Con cúi*



67. Mẹ kêu một tiếng

Con chạy vụt ngay

– Nỏ và tên

68. Mẹ ăn thật nhiều

Ngã xuống, đầu ruột đổ hết

– Cái diu đựng nặng, đổ ra

69. Con lộn nái sang bên kia sông đẻ một lứa

Về bên này sông đẻ một lứa

– Cái mảng chở người qua sông

70. Bên trên lợp ngói

Dưới là hang

– Hàm răng – Họng

71. Trên có lông, dưới có lông

Gặp nhau vừa kín

– Con mắt nhắm lại

72. Đi một bước, cắn một miếng

– Kéo cắt vải, cắt giấy

73. Chạm tay vào, nó nguẩy đuôi lên.

– Cái kéo

74. Bốn người đi đường

Bốn người ngẩng lên



Hai người vẩy cò  
Một người dọn đường.

*- Trâu, bò đi đường(5)*

75. Ăn thì ăn nhiều thức ngon

Đến khi đi ngủ, cuộn tròn trong chăn

*- Cân tiểu ly (cân vàng, bạc, thuốc phiện)*

76. Tay cầm bồm ngựa

Mắt đếm sống lưng

*- Cái cân tay (loại 5 kg)*

77. Cầm bồm ngựa, tìm vết chân ngựa.

*- Cầm cân tay, cân hàng*

78. Lổ chỗ như mặt sàng

Trong bụng mang đầy nước

*- Tổ ong - bọng mật*

79. Mới nhìn giống khúc gỗ to

Nhìn rồi lại cũng vẫn là nó thôi

Đàn chim bay tới bay lui...

*- Đõ ong và đàn ong<sup>(6)</sup>*

80. Trông xa tưởng cái sọt đan

Lại gần nó đốt đau ran khắp người

Kêu cha kêu mẹ không thôi

*- Tổ ong - Ong đốt*



81. Có cánh không đuôi

Bay khắp núi rừng

Tụ về một tổ

Tròn một quả tròn

Ăn cũng ngon, ngủi cũng thơm.

– Ong và mật ong

82. Có cánh mà chẳng có đuôi

Tới đâu cũng chẳng để lại vết đường đi qua

– Con ong bay.

83. Có đuôi, có cánh, không lông

Lúc đi người chẳng biết, chẳng hay.

– Con cá

84. Có lá mà chẳng có cành.

– Cây chuối.

85. Ăn thì ăn ngon

Ngủ thì chọn nhà giọt nóc

– Cái thìa gỗ<sup>(7)</sup>

86. Ăn đằng mồm

Tuôn đằng gáy

– Cái bào

87. Bên ngoài lửa vừa đốt



Bên trong nước đã sôi  
(Lửa đốt bên trên  
Sôi liên bên dưới)

– *Cái diều cày (hút thuốc)*

88. Đốt củi ở dòng suối  
Hơi bốc trên đỉnh núi

– *Hút thuốc Lào*

89. Cây gì hoa nở đôi nơi  
Hoa trên mặt đất, quả vùi dưới sâu

– *Cây, hoa, củ lạc*

90. Hoa nở trên đất  
Quả chui xuống đất  
Ăn phải đào lên  
Rang là ngon nhất

– *Củ lạc*

91. Một cảnh thẳng, một cảnh cong  
Một ở nơi trời sáng  
Một mò côi tối tăm

– *Cái cày cày đất<sup>(8)</sup>*

92. Một cái cong, một cái thẳng  
Trên đất thì sáng, dưới đất thì vàng

– *Cái cày đang cày*



93. Hai anh em rủ nhau  
Cùng giết con lợn tét (rất béo)  
*- Hai ngón tay cái giết con rận.*
94. Hai thành đá ép nhau  
Giết tươi con lợn béo  
*- Hai ngón tay cái giết rận*
95. Anh cả bụng to  
Anh hai đầu bằng  
*- Quả bí đỏ, quả dưa*
96. Bò không phải bò  
Trâu không phải trâu  
Uống nước ao sâu  
Lên cây ruộng cạn  
*- Bút mực, bút lông*
97. Vừa đi vừa gieo đỗ  
*- Dê iả*
98. B.... cũng cong l.... cũng cong  
Lấy tay vành ra, mới lồng vào được  
*- Bít tất và bàn chân*
99. Nhìn vào trong hang  
Hai hàng bắp xếp  
*- Mồm há, hai hàm răng*



100. Hai hàng ngô giống  
    Nằm im trong hang  
        *- Hai hàm răng trong mồm*
101. Đá nhỏ xếp cửa hang  
        *- Hai hàm răng*
102. Ông trắng giã gạo  
    Ông đỏ bới đào  
        *- Răng và lưỡi*
103. Cái lồng nho nhỏ  
    Có một chú chim  
    Nhảy đi nhảy lại  
    Nhảy mãi không thôi  
        *- Lồng ngực và quả tim*
104. Có ông cụ già tha bụng đằng sau.  
        *- Dầu gối, bắp chân*
105. Trông xa tựa tựa gốc rau  
    Lại gần sờ mó, đốt đau tay mình  
        *- Lá han*
106. Con thỏ ngồi giữa quả núi  
        *- Cái mũi*
107. Con gà vừa gáy o o



Quay đi quay lại đã thu ruột mình

– *Cái ống mực của thợ mộc*<sup>(9)</sup>

108. Một khuôn hộp nhỏ

Đựng bốn mèo con

– *Quả vừng*

109. Nhìn xa như bó củi

Tối gần như chó đốm, biết bay

– *Chim hoa*

110. Trên là nhà ngói

Dưới là trống không

– *Cây móc*

111. Ông già lận đận suốt đời

Sợi dây buộc đít kéo dài không thôi

– *Kim và chỉ*<sup>(10)</sup>

112. Ai như bà Hán

Nức nở trong hang

– *Nồi cháo đang sôi*<sup>(11)</sup>

113. Cụ già lưng còng

Rốn ở sau lưng

– *Vung nồi và cái núm*

114. Giẫm vào đuôi chó, chó kêu



*- Cối giã gạo bằng chân*

115. Không cuốn không súng  
Cuốn thì súng tay

*- Tay cuộn lạnh*

116. Rắn chui vào sườn đá  
Mền mền lại chảy ra

*- Xẻ gỗ<sup>(12)</sup>*

117. Chim xi dú chui ra chui vào hang

*- Bàn sản đảo thức ăn trong chảo*

118. Không sờ không súng  
Càng sờ càng súng

*- Cuộn lạnh*

119. Con gà trắng bay vòng gốc chuối

*- Vòng bạc đeo ở cổ chân, cổ tay*

120. Dem dần rừng núi vào  
Mà cũng chẳng đầy cho

*- Cái lò (dun củi)*

121. Bãi cút trâu đầy con dòi trắng

*- Mái nhà cũ và tường đất quét vôi trắng*

122. Lột da, xương vút ra vách nhà

*- Vò lạnh, cây lạnh (ken vách nhà)*



123. Cái thùng đổ lăn ngang

- *Con cua*

124. Đi không đi

Ngồi không ngồi

Mà vẫn là đi

- *Con ếch nhảy*

125. Ở xa trông sáng sáng

Đến gần như mặt trăng

- *Cái đèn*

126. Đế kêu trong hốc đá

- *Nhạc buộc cổ bò*

127. Thửa ruộng lớn có con vịt trắng bơi

- *Bầu trời và mặt trăng*

128. Ông chồng đi chơi

Bà vợ dạng chân chờ

- *Chối và cái kì hót rác*

129. Hai bà già tranh nhau đi trước

Bụng quay đằng sau

- *Hai chân*

130. Nghe xa như bà già gọi

Lại gần như bà già khóc

- *Gà mái đẻ, nghe xa, tới gần<sup>(13)</sup>*



131. Một người bay ở không trung  
Một đàn trẻ trọc tung tăng dưới này  
– *Diều hâu và đàn gà con*
132. Ba miếng ván lợp một quả đồi.  
– *Hạt mạch ba góc*
133. Ở xa trông như cái bánh  
Tới gần nhìn đúng là cái bánh  
Ăn hết rồi vẫn còn là cái bánh  
– *Hoa hướng dương(tĩa hạt rồi hoa vẫn nguyên)*
134. Bàn đá hoa xanh đánh hoa bạc già  
– *Bầu trời và các vì sao*
135. Anh cả trên gác kêu vang  
Anh hai thấp đèn sáng  
Anh ba phi nước đại  
Anh tư đội mũ trắng  
Anh năm đổ nước đầy  
– *Sấm, chớp, gió, mây, mưa*
136. Vợ chồng trông đẹp đôi  
Đóng một nhát, đi một bước  
– *Khuôn đúc tiền giấy mã<sup>(14)</sup>*
137. Bé bay, bé bay, không đủ một tay xách  
– *Cái quạt*



138. Đầu làng có cái mõ  
Cuối làng có cái cò  
Mõ kêu, cò vầy

– Chó sủa, vầy đuôi mừng

139. Ngoài rừng có cái bát  
Ngày ngày mưa không đầy

– Tổ chim

140. Đằng trước có quả ớt

Đằng sau mang con dao

– Chim chào mào (mỏ đỏ, đuôi dài)

141. Chưa ăn thì no

Ăn rồi lại đói

– Cái bầy chuột<sup>(15)</sup>

142. Buổi sáng con dơi đi tắm

Buổi tối con dơi treo chân

– Cái khăn mặt (sáng rửa, tối phơi)

143. Sáng ra nặng tới nửa cân

Chiều về cân lại chỉ phần tư thôi

– Cái khăn mặt (ướt và khô)

144. Rắn đen bò nhanh trên đá, bụi đá rơi

– Cua, xẻ gỗ<sup>(16)</sup>



145. Trên đầu đội cái bánh to  
Ông già ngồi lặng, bụng no căng tròn  
– *Chum rượu đầy, đầy cái mâm*

146. Rể ngâm dưới nước trong  
Hoa trên bờ nở vàng  
– *Bắc đèn dầu khi thấp*

147. Ăn ngọt, ngủi hôi  
Dài như cái đuôi  
– *Cây mía.*



## CHÚ THÍCH CÂU ĐỐ

- (1). Ống thổi và ống phát âm của khèn thẳng góc nhau. Miệng thổi khèn (trên cao) như gió thổi. Ống phát âm (nằm ngang, thấp) như tiếng hoẵng kêu bên dưới (dưới xuôi).
- (2). Sự tích : Xưa, con của Thần Sét đói, xin người mẹ Mông cho bú. Người mẹ không cho. Thần Sét thề độc : Từ nay người Mông (người lớn) nghịch vú phụ nữ thì sẽ bị sét đánh.
- (3). Con gà là ngôi nhà. Hai cánh là hai mái nhà. Nóc là sống lưng gà.
- (4). Đá : da đầu. Rắn : dao cạo. Cây lá : tóc.
- (5). Đố về con trâu, bò đi đường. Bốn người : bốn chân. Ngẩng lên : chân bước. Hai người vẫy : hai tai vẫy. Người dọn đường : lưỡi liếm (ăn) lá dọc đường đi qua.
- (6). Đố ong người Mông làm bằng khúc gỗ xẻ dọc và khoét ruột, dài khoảng 50- 60 cm. Hai đầu



bịt gỗ kín, đục lỗ thùng để ong bay vào (làm mật) và chui ra.

(7). Chiếc thìa gỗ ăn bột ngô đồ (mền mền), múc canh, xúc thức ăn. Thìa dùng xong, rửa sạch, cắm vào giỏ. Giỏ đan thưa, nước nhỏ giọt như nhà giọt nóc.

(8). Canh thẳng : thân cây. Canh cong : bắp cây. Trời sáng : ngoài trời. Trời tối : lòng đất.

(9). Cái ống dây mực của thợ mộc. Tiếng gà gáy : tiếng kêu cót két lúc hộp thả dây và cuộn lại. Ruột gà : sợi dây.

(10). Kim (dùng để) khâu vá suốt đời, như người mắc nợ nhiều, lận đận. Kim : tượng trưng ông già (sự lận đận).

(11). Người Hán hay ăn cháo. Tường tượng nôi cháo sôi như người phụ nữ khóc nức nở,

(12) Con rắn : lưỡi cưa. Suôn đá : thân gỗ. Mền mền: mùn cưa. (Bột mùn cưa như bột ngô đồ).

(13). Tiếng gà mái đẻ nghe xa và tới gần. Nghe xa : " Cóc ! Cóc !" như gọi. Nghe gần : " Cục ta cục tác" như khóc.

(14) Hai hình cong ngoài là vợ. Vòng tròn nhỏ là chồng.

(15) Bầy chưa sập, cần cong lên như bụng phình ra (no). Bầy sập, cần duỗi ra như bụng lép (đói).

(16) Rắn đen : lưỡi cưa xẻ. Bụi đá : mùn cưa.





## PHẦN CHỮ MÔNG

- \* Hmôngz li pǎngx lul
- \* Hmôngz li cxax miv txư



## HMÔNGZ LI PĂNGX LUL

1. Pov đeik pêz shông txeik, pov tsor  
pêz shông thor.
2. Ndis jôngr nyei njiz đeik tu nhuôs  
Tơuv trôngx nyei njiz tul vưv chơur
3. Kôngz tsi nziv hav iz chiv  
Tsi gơuv tsi ziv hav iz siv
4. Nriêr tâu nhaz zuôr sei sei txeik  
Chuôz lao naz tơuv krôr uô sei ntâuک tuôs leiv.
5. Iz cxeik têl buôx tsi đrôr  
Pêz cxeik têl buôx đrôr lox
6. Xar nox njêl tsi nyei đêx toz
7. Tsi nhiêv nox tuz zuôr tuôr điêr  
Tsi xar luô tuz zuôr uô chuôr.
8. Jax tsi tuôs, tsi txơux kruôr đêx



Đênhr caox tsi tuôx tsi tso tsês

9. Tsor tsi tuôs, tsi txoux kruôr jôngr

Đênhr caox tsi tuôx, tsi tso hmôngr

10. Ntông lâul ntông tsi kruôr

Nênhs lâul nênhs zêv gruôs.

11. Kriêr lâul kriêr ntâu njiv

Nênhs lâul pâuz ntâu siv.

12. Tsis tâu mak grênh jông, tâu lóuv ro tos ntông

Tsi tâu mak grênh fav, tâu lóuv ro tox pav.

13. Tul nov nyei jênhx minhx.

Tul muôx nyei tuz gênhl.

14. Zêv muôx zêv gruôs uô

Zêv pluôs zêv gênhl nduôr.

15. Ndâux lar têl lar, ndâux la lar têl la lar.

16. Ntux kruôr sha shông blêx blav liêx

Ntux kruôr ziv shông Hmôngz jông kôngz.

17. Toul nkhâuk tsi jông trâur

Nênhs lâul tsi jông nrâur.

18. Vâur lâul vâur pâuz tăngz

Vâur mâuv vâur civ txăngx.

19. Nhux cuz tsi hnhăngr nhux hâu

20. Keiz kuô keiz, ok kuôx ok.

21. Nav txir maoz hax cxoux tsi chuôs



Tsêr muôx nxeik hloz tsi tâu kuôk.

22. Tuôx dêz seiz jông gâu

Txus jê nuôn nkhik ndâu.

23. Nênhl nzâus plâuz ntêr, nênhs pluôs jos hlê.

24. Iz cxeik têu sôur truôx

Iz cxeik têt, buôx tsi đrôr.

25. Nhaoz jê ntux ndêz

Nhaoz dêz ntux nthê.

26. Xar uô ntêx heik uô kaz.

27. Tâu nox thiêx tâu hnar.

28. Ndâu heik tsi chuôs têt uô

Uô ntâu tsi chuôs uô cxuô.

29. Muôx ntux thiêx muôx têt

Muôx têt thiêx xinhz tsuôs

Muôx lâul thiêx muôx hluôk

Muôx sâu thiêx muôx chêx.

30. Jông lul hnor kaz sei

Fêv lul tsi jông leiv.

31. Tu keiz njuôs tâu xuz puôz

Tu tuz njuôs tâu zênhz nduôz.

32. Nhux muôx nhux caz

Nênhl muôx nênhl cêr.

33. Nox luôs njaz



Uô luôs baz.

34. Hnar luôs tsux buôs

Tsuv uô luôs nhuôs.

35. Nhaoz tsi kriê nênhş

Tuôs tsi kriê đaz.

36. Jông lul chaox lul tsêr

Fêv lul leiv ntang cêr.

37. Đêr plâu z ntêr tsi tâul.

38. Câuv tiêv uô nov

Iz tiêv jênhx mênhx.

39. Chiêx yênhx nênhş, tuôs yênhx đaz.

40. Pâu z hnuz chiêx, tsi pâu z hnuz tuôs

Pâu z hnuz muôx, tsi pâu z hnuz pluôs.

41. Khar, tsi chuôs pov. Pov tsi chuôs uô.

42. Lâu l nhiêv nox greix tros tsou l muôs

Mi zâu nhiêv nox greix nyir chi.

43. Lâu l nox siêz.

Hluôk nox câux ti

Mi zâu nox ndêx puôz.

44. Pal njêl txoux lâu

Chour hâu k muôx ntâu.

45. Đêx txoux kruôr, chour hâu k tsi txoux dhuôr

46. Iz tul ntông uô tsi yênhx luz tsêr



Iz tul nênhz pheiz tsi tâu aoz txox cêr.

47. Buô geix nhoz chax đaz

Vâur jos nhoz chax baz.

48. Pox niêx jos nhoz chax tư

Tsir nênhx jos nhoz xuz pư.

49. Zul chax kâuv zul khơuz tsi chuô

Zul tsê muôx moz, zul kho tsi gruô.

50. Pox niêv jông luz chêr

Txir nênhx jông luz tsêr.

51. Txir nênhx tsênhv muôx jos

Pox niêv khiêr đros jox.

52. Txir nênhx gênhl tsêx phuôv tur nyâu,

Jông pox niêv tsi zuôr uô vâu.

53. Tuz xeir pox niêv, xei jông gâu

Nxeik xeir txir, xeir liêx têz ntâu.

54. Tsêr vuôl tsi zos qơu siv jêz

Tsêr grênhz tsi zos qơu siv fê.

55. Pâu z nơu tsi chuôx pâu taz

Gâu xuz pâu tsi chuôx gâu nhaz.

56. Muôx luz txir đơu, tsi lax luz poz jêz tsông

Muôx tul tuz, tsi cxơu tul pox niêv jông.

57. Pâu z đêx hênhv tuôx đrôz đêx

Trâu tuz hênhv tuôx pox niêv xuz chêx.



8. Nênhş tsơus cuô jâuž nhênhv  
Nênhş chôngz cuô tsi sênhv.
59. Nav yaz lux saz  
Txir yơur lux plơur.
60. Nhux tuỗs yuờr cuz  
Txir tuỗs yuờr tuz.
61. Tsor tuỗs yuờr đeiv tơur  
Cư tix tuỗs tal yuờr nưl iz tul tủy cươ.
62. Muỗx zênhz ntâu hâuuk caz,  
Muỗx lul tsơus heik lo.
63. Zêv muỗx zêv yinhv  
Zêv pluỗs zêv gênhl.
64. Tênhz tsi yuỗz tsi tuỗs  
Nênhş tsi khur yênhx pluỗs  
Uô hlâuuk tav tul tsuỗs.
65. Niêv gâuuk juỗx pax. Ntiêx têz thiêx tsi tâu  
Niêv gâuuk ntir zax. Ntiêx têz nriêr muỗx ntâu.
66. Vâuư lầul vâuư hluz nhaz  
Vâuư zâu vâuư cêv txaz.
67. Ntux laox têz đar.
68. Greix laz đrus jâuž njuỗz.
69. Nxeik câuv trầu shông chaox nxuô  
Tuz câuv ziv shông yênhx nênhş.



70. Jông ntông muôx jông caz tho  
Ceiv nênhx muôx jông nênhx txos.
71. Jông ntông muôx jông caz tho  
Jông nênhx muôx jông nênhx txos.
72. Iz triê blêx, muôx pêz njê bluôs  
Iz tul nênhx muôx pêz tul hluôk.
73. Đruôz hnuz ntux đar  
Hmo ntux, ntux greiv.
74. Đaz lâul tuôx xuk plik tuôx  
Zouy txir tuôx, zos tsor tuôx.
75. Hluôk gâux hluôk đrâux mênhx ziv jông  
Tuz saz uô hlâuuk mênhx ziv pôngz.
76. Muôx nxeik tâu iz têl nhiêx  
Muôx tuz pôngz iz têl txiêx.
77. Hluôk gâux heik iz nduô,  
Uô hlâuuk heik iz tiêv.
78. Hluôk gâux jông iz nduô  
Niêv txir jông iz tiêv.
79. Ntông hloz ntông pheiz chês  
Nênhx hloz nênhx pheiz chuôz.
80. Pos njê tsi zuôr hliêr  
Nênhx njê tsi zuôr piêr.
81. Chêv nov zuôr nov



- Chêv hâu zuôr hâu  
 Chêv cuk hlâu zuôr cuk hlâu  
 Chêv txir nênhz zuôr txir nênhz.
82. Niêv txeix têt. Nhuôs txeix têu.
83. Vuv chour thor ntâu  
 Qêr chuz thor cuz.
84. Pox niêv moz plaz zos muôx nhuôs  
 Txir nênhx moz plaz zos muôz hluôk.
85. Blôngx côngv char  
 Nôngz côngv tsar.
86. Txir nênhx 20 shông nyôu muôx pux  
 Pox niêv 30 shông nyôu mi tuz seiz nhux.
87. Đêr tuôs tâul.  
 Muz tuôs tâul.
88. Tsi txoux mak nhiêv, txoux mak hiêv.
89. Yar ntux sôur phax phuôz  
 Hâuuk chour krôr muôs tuôz.
90. Muôx đêx xuk hlir nyar,  
 Muôx nhiêx xuk hlir zuôr.
91. Tso kuôr tsi muôx phuôx xư  
 Xuk heik lul tsi muôx tov lư.
92. Lâu s uôz tsi muôx qôu tsôuk  
 Xuk Hmôngz tsi muôx têt ndôuk.



93. Nox njiv iêz tsi tu siêz  
Trâus nênhş chêv ndo iz tiêv.
94. Kuôk nxeik tuôn cxix zeiv  
Muôl nhaz tuôn cxix păngz.
95. Muôx ntâu hnar ntâu  
Muôx tsơus hnar tsơus  
Tsi muôx jông cơus.
96. Nhux jông nhux tâus caz  
Nênhş hênhr nênhş zuôr chei.
97. Chiêx đros nênhş. Tuôs trơr đaz
98. Chiêx đros jol. Tuôs trơr nza.
99. Txir tuôs, tuôs lơuv ndax đreiv  
Pox niêv tuôs tal, pox niêv nhoz pox niêv hâuր peis
100. Kriz trôngx zos iz jol  
Cơu trôngx zos iz tsê.
101. Nkrêk greix uô yux car  
Nkrêk chơur uô mênhx jênh.
102. Niêv txir sik chês tsi đrâu txax  
Cư tix sik chês tsi đrâu đaz.
103. Cư tix sik chês viv nhux đaz  
Niêv txir sik chês viv ndêx kaz.
104. Cư tix sik chês viv têz liêx  
Niêv hloz, niêv zâu sik chês viv nzênhr tiêx.



105. Yar ntux tuôx yar ntux cuz  
Nas laos mak nao ntuz.
106. Ntux kruôr têz gis guôr.
107. Ntux tsis têz tsâuk.
108. Ntux tas nduô.
109. Muôx niêv txir, niêr tsi los cuô muôs  
Tsi muôx niêv txir, kuôx zênhv  
tsiêr tsi lênhx tux quênhv.
110. Muôx greix tsi txos zul nzuôs  
Muôx lul tsi txos zul heik.
111. Nhiêx cuz ntôuv tsuô đơuz  
Muôz tâu zuôr gruôs đơux.
112. Naox kangz nhaoz aoz cxeik bangz  
Naox tsâu nhaoz aoz cxeik uô tâu.
113. Têz nzâus juôl kôngz tsi ntuô tsi toux pax  
zul niêv zuôr tuôs yeiz  
Têz nzâus juôl tsi trau qir tsi nthuô  
đrox zul oz niêv tsir zuôr tuôs yeiz.
114. Nênhx khur nhiêx tsiêx ntâu  
Nênhx gênhl khênhr uô hlâuk.
115. Cxur zêv tuôr zêv đơuz  
Nênhx zêv uô zêv txoux.
116. Tril yao đrôus luôs pâu



- Yeiz plaz luôs tsi pâuz.
117. Tul tsi zuôr zênhz côngz  
Muôx ntux jôngx pov njôngr.
118. Ndê trôngz co tơi aoz cxeik xôngz  
Luôv đêx muôz njêl tsi lul khôngz.
119. Nhux traos tuôn cxix naox,  
Nhux nzâus tuôn cxix gâus.
120. Nhux cu tứ blơv nhux tsi maoz.
121. Xeir đêiv greix trầu lầul  
Hluôk lav teik poz cxa.
122. Muôx fov tsi tuô njuôr njuôk  
Muôx đris tsi ntâuk tul uô truôs.
123. Nênhhs jông, chơur tsi jông.
124. Vix greiv mak ntux zuôr peiv  
Vix đar mak ntux zuôr yar.
125. Yar ntux jâuiz lux, lol nangs jâuiz njuôz
126. Têz zuôr leix thiêx nxênhr  
Nênhhs tsi kriê tsi xênhr.
127. Têz kuôx ntul ntux kuôx nhao  
Xaoz đror rêr hux luv txos.
128. Buô cô cô đaz, yar ntux.
129. Keiz pu lis khênhr los nas.
130. Keiz pu nzur, khênhr yar ntux.



131. Yar nzur phuôz khênhr vix.
132. Hluôr toul liêz zuôr tsâuk ntux.
133. Hluôr toul dax tsi tâu tsâuk ntux
134. Jax vix hnuz greiv, ntux zuôr peiv.
135. Jax vix hnuz đar, ntux zuôr yar.
136. Nthuô đrox ar pâus krór muôs, nox tsi tal.
137. Nangs lul txaox nangs  
Chuô hluz txaox chuô.
138. Yangr puv ntus,  
Nangs puv phuôz
139. Seiz ndê zaos ntux  
Seiz grêl zaos angr.
140. Lax lis tsi nziv zuv lis.
141. Txir pos ndu, txoux yeiz plaz.
142. Têz krór jêz muôx nal  
Têz tiêx đras muôx naz.
143. Nôngz đăngx puv đăngr grăng năngz zang  
Nôngz gênhl puv đăngr tâu năngz jênh.
144. Mul txus luôs mak nox tsâu chuôs  
Tâu nduô luôs tuôx txos pêz kak kê xuz puôz
145. Ndâux thav zos i tul txir nênhx zous  
Mul xuz phaz, nyei naz, mul har jôngr nyei tsor.
146. Đis muôs pov truôs kuôv hli



Las njêš njiêv mnôngs lul nxi.

147. Cuôv ntous gri har

Nxuô luôs chour yar.

148. Khur tsi tuôs, moz thiêx tuôs

149. Naox ntâu tsi tsâu

Hnangr ntâu tsi sur.

150. Chos poz cư tsi xuô câur

Chos tâuv paur tsi hâuk chour.



## HMÔNGZ LI CXAX MIV TXUR

1. Tsi zos tôngx, tsi zos hlâu,  
Txiêr tsi tu, nox nhos tâu ?
2. Nox nhôngl tâu, nox siêr tâu  
Pôngz tsuô lul tsi txoux kâus ?
3. Siz tsi siz, hnar tsi hnar  
Zôngv chux hlâu nhov tsi khaz?
4. Nhaoz dêz nuôv xuk jôngr max mux  
Mul jê seiz zaos niêv trik tuz?
5. Tsi muôx chês, tsus muôx blôngx  
Păngx laz đôngs, txir đu jông ?
6. Toux păngx sâu zangx  
Txi txir đruôz zinhz ?
7. Pêz cur tix ntông iz txux fuôv ?
8. Plâuз cur tix ntông tuôz luz maov ?



- 9 . Aoz taos, aoz păngl jăngx  
Đruôz đrangz tóuv cuô đăngx ?
10. Naox nhôngl naox tâu  
Naox sar kangz gâus  
Tsêz chaos tsi tâu ?
11. Tul tsi ndê taox grêl tâus hênhr  
Ndê nhaos ntông, qơuk nhaos hangr,  
Tuô tóuv lul tsi muôx nyăngr ?
12. Hâu hnhangz pêz ci, tư ntêr pêz đangx  
Tsông trâu hâu păngl nrar naox nhuôs jăngx.
13. Nhaoz tsêr lux chuôs ntir têl,  
Môngl chaos pêl jôngr nrâu changs nrâu chês ?
14. Naox ntóuv ndâux  
Tsao ntóuv ntangr ?
15. Naox ntóuv ndâux, tsao tóuv ndâux?
16. Sôur aoz cxeik tóu, ntông juôs nhas laz ?
17. Hnangz laz ntiv tsax đăngx ?
18. Aoz tul zôngr côngv tiz tư ?
19. Tưv đăng đêx tsi ntuz cuz  
Buô đăng đêx tsi ntuz tư ?
20. Tuôr nênhl txôngz tâus nênhl nênhhr ?
21. Tsiz tul cứ tix, cứ tsiz đêiv vuôl ?
22. Muôx tik tsi muôx tư,  
Zăng pêv ntux ntaos ntul?



23. Tour krur cxang, cxang krur greix?
24. Luôs muôx mak luôs cheix nênhl đuz,  
Zul tsi muôx zul cheix nênhl ru cuz?
25. Jông phuz tâuz tao shang luz kraor ?
26. Iz tul lâul jâuv pur pêz qang tsêr ?
27. Nangz njuôz cê môngl cê ntês kei ?
28. Zôuv txir tuôs cux tsêr,  
Tuz nxeik zôngv trâus tuz tuôx pês.
29. Chuô yuôz pêl trôngz, câur kuôx đrangl hăngr ?



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Độc Tục ngữ và câu đố Mông	5
Tục ngữ	14
Chú thích Tục ngữ	43
Câu đố	53
PHẦN CHỮ MÔNG	77
Hmôngz li pǎngx lul	79
Hmôngz li cxax miv txur.	92



# TỤC NGỮ VÀ CÂU ĐỐ MÔNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

*Chịu trách nhiệm xuất bản* : NÔNG HOÀNG THỤ

*Tổng Biên tập* : ĐẶNG NAM

*Biên tập* : TRIỆU MÙI SAY

*Thiết kế Mỹ thuật* : GIA LÂM

*Sửa bản in* : TUYẾT TRINH

---

In 1000 cuốn khổ 13x19

Tại Nhà in Nhân Dân Hà Nội II - 38 Bà Triệu Hà Nội

Giấy phép số 100/CXB VH-TT cấp ngày 23 - 4 - 1994



## **Cùng một tác giả**

(Những tác phẩm chính)

- TRUYỆN CỔ DÂN TỘC MÈO  
*Nhà xuất bản Văn hóa - Hà Nội 1975*
- DÂN CAO LÔ - LÔ  
*Nhà xuất bản Văn hóa - Hà Nội 1975*
- TRUYỆN CỔ DÂN TỘC MÈO HÀ GIANG - I  
*Ty Văn hóa Hà Giang - 1975*
- TRUYỆN CỔ DAO (2 tác giả)  
*Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc - Hà Nội 1978.*
- HỢP TUYỂN THƠ VĂN VIỆT NAM (Nhiều tá giả).  
*Tập 6. Quyển 1. NXB Văn học - Hà Nội 1979*
- ĐỊA CHỈ VĂN HÓA DÂN GIÀN VÙNG ĐẤT TỔ.  
*(Nhiều tác giả). Sở Văn hóa Thông tin Vĩnh Phú - 1986.*
- TRUYỆN CỔ PU - PÉO.  
*Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc - Hà Nội 1988*
- LỄ HỘI CỔ TRUYỀN. (Chủ biên)  
*Nhà xuất bản Khoa học xã hội - Hà Nội 1992*
- DÂN CA PU - PÉO.  
*Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc - Hà Nội 1993*
- 60 LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM (2 tác giả)  
*Nhà xuất bản Khoa học xã hội - Hà Nội 1994*
- TẾT CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT (Chủ biên)  
*Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc - Hà Nội 1995*

\*  
\*   \*

### **SẮP XUẤT BẢN :**

- Lễ hội dân gian Ê - Đê